

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 268/2018/DS-PT
Ngày 12 - 10 - 2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc D
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương
Ông Bùi Thế Xương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 205/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 9 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 142/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: /2018/QĐPT-DS ngày tháng năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1976
Địa chỉ: số XX/Y ấp TH, xã TH, huyện T, tỉnh B.
- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Trần Anh D, sinh năm: 1976
Địa chỉ: số XY/Z ấp GHA, xã GT, huyện T, tỉnh Bến Tre.
- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Trần Anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Vào ngày 24/02/2018 (ngày 09/01/2018 âm) ông có bán cho ông Nguyễn Trần Anh D số lượng 42 Kg sò giống; đơn giá là 13 đồng/con sò giống với tổng số tiền là 131.040.000 đồng. Khi mua bán thì hai bên không làm hợp đồng nhưng ông D có cam kết với ông vào ngày 25/02/2018 sẽ trả tiền sò giống cho ông. Đến ngày hẹn thì ông D không trả tiền vì cho rằng những người cùng hùn vốn với ông D không đồng

ý trả nên ông có yêu cầu ông D viết cho ông 01 biên nhận với nội dung ông D có nhận của ông số lượng sò giống như trên và còn nợ lại 131.040.000 đồng.

Khi giao sò giống thì hai bên cùng thống nhất chung về giá và số lượng, chất lượng sò giống mới tiến hành giao nhận hàng.

Do ông trực tiếp mua bán với ông D chứ không biết những người cùng hùn vốn với ông D là ai nên ông chỉ yêu cầu ông D có trách nhiệm trả cho ông số tiền 131.040.000 đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Trần Anh D trình bày:

Vào ngày 25/12/2017 (âl) ông có mua sò giống của ông Nguyễn Văn L; việc hợp đồng chỉ nói bằng miệng chứ không lập bằng văn bản, trị giá sò giống lúc này là 107.000.000 đồng, việc mua bán này đã trả tiền hoàn tất. Sau khi mua khoảng 07 ngày thì ông phát hiện sò sò giống trên toàn là hén con chứ không phải là sò và ông có yêu cầu ông L giao sò sò giống khác để ông thả nuôi. Ông L cũng đồng ý và giao cho ông lô sò giống khác với trị giá là 131.040.000 đồng nhưng đến nay ông chưa trả tiền. Lần mua sau này thì ông cũng phát hiện lô sò ông L giao cũng toàn là hén. Sau khi phát hiện sò giống toàn là hén thì những người cùng hùn vốn với ông không đồng ý trả tiền cho ông L. Do ông là người trực tiếp mua bán với ông L nên ông L có yêu cầu ông viết cho ông L một biên nhận với nội dung có mua của ông L và còn nợ lại số tiền sò giống là 131.040.000 đồng. Khi phát hiện sò sò giống trên toàn là hén thì ông có báo với công an ấp DT đến chứng kiến sự việc và công an ấp có đến nhưng chỉ yêu cầu hai bên thương lượng chứ không lập biên bản gì.

Ông thừa nhận giấy xác nhận ngày 24/02/2018 mà ông L cung cấp cho Tòa án là do ông viết và ký tên.

Do việc mua bán là ông có hùn với 10 người nữa nên ông yêu cầu những người đó phải có trách nhiệm liên đới với ông để trả tiền cho ông L.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số: 142/2018/DS-ST ngày 09/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, các điều 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L. Buộc ông Nguyễn Trần Anh D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 131.040.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng

tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông L không yêu cầu ông D phải trả lãi nên không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018, bị đơn ông Nguyễn Trần Anh D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L không đồng ý với nội dung kháng cáo của bị đơn, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Ông D thừa nhận còn thiếu tiền sò giống của ông L và ông D cũng thừa nhận có viết giấy xác nhận ngày 24/02/2018 với cam kết là ngày hôm sau sẽ trả cho anh L 131.040.000 đồng. Ông D cho rằng việc mua bán giữa ông và ông L còn có 10 người khác hùn vốn nên ông D yêu cầu những người hùn vốn này cùng trả tiền cho ông L. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, Tòa cấp sơ thẩm đã ra thông báo yêu cầu ông D cung cấp họ tên, địa chỉ của những người mà ông cho rằng có hùn vốn với ông nhưng ông D không cung cấp được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông D, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trần Anh D và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông D trình bày việc mua bán giữa ông D có hùn với 10 người khác nên ông D yêu cầu những người hùn vốn này cùng trả tiền cho ông L. Tuy nhiên, Tòa cấp sơ thẩm có ra Thông báo về việc giao nộp tài liệu, chứng cứ yêu cầu ông D cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông là có căn cứ nhưng hết thời hạn thông báo mà ông D vẫn không cung cấp được nên xem như ông D đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[2] Việc ông D cho rằng giữa ông và ông L có thỏa thuận sau một tuần lễ nếu thấy được rõ con sò thì ông sẽ trả tiền cho ông L là không phù hợp với giấy xác nhận trả tiền do ông viết cam kết sẽ trả tiền vào ngày hôm sau. Ngoài ra, ông D còn cho rằng ông L bán cho ông sò giống nhưng sau đó ông phát hiện toàn là hến nên ông có báo công an áp đến chứng kiến nhưng công an áp đến không có lập biên bản sự việc mà chỉ yêu cầu hai bên thương lượng. Tại biên bản hòa giải ngày 02/5/2018 ông D thừa nhận còn thiếu tiền sò giống của ông L và ông D cũng thừa nhận có viết giấy xác nhận ngày 24/02/2018 với cam kết là ngày hôm sau sẽ trả cho ông L

131.040.000 đồng, đây được xem là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại Điều 93 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa sơ thẩm tuyên buộc ông D phải trả số tiền 131.040.000 đồng tiền sò giống là có căn cứ. Ông D kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Trần Anh D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Trần Anh D.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm: 142/2018/DS-ST ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng vào các điều 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn L về tranh chấp hợp đồng mua bán đối với ông Nguyễn Trần Anh D. Buộc ông Nguyễn Trần Anh D có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền 131.040.000 đồng (một trăm ba mươi một triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Do ông L không yêu cầu ông D phải trả lãi nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Trần Anh D phải chịu 6.552.000 đồng (sáu triệu, năm trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.276.000 đồng (ba triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng số 0014344 ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Trần Anh D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0018593 ngày 29 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú ;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- L hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng